TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 5 - 2024
Về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lam;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hoa;

Ông Trần Ngọc Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2024 về "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 160/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 235/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm L, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (Đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1994; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt). Hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan không rõ địa chỉ đã được tống đạt hợp lệ văn bản mở phiên tòa hai lần bằng phương thức thông qua bố đẻ là ông Nguyễn Xuân T1.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Cao Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An ngày 09/06/2014, đến năm 2020, anh Đ đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, hai người vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua mạng xã hội facebook, nhưng vì khoảng cách địa lý, không có nhiều thời gian dành cho nhau nên bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2022, vợ chồng không liên lạc với nhau nữa, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Đ.

Con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 30/08/2014 và Nguyễn Trung Q, sinh ngày 30/01/2018, hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, nếu ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn là anh Nguyễn Xuân Đ vắng mặt không có lý do. Chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh Đ cư trú, chỉ biết anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu do nguyên đơn giao nộp cho anh Đ thông qua bố đẻ của anh ấy là ông Nguyễn Xuân T1, ông T1 đã thông báo cho anh Đ biết nội dung, phạm vi khởi kiện của nguyên đơn thông qua mạng xã hội nhưng anh Đ không có ý kiến gì.

Ý kiến cháu Nguyễn Việt A trình bày nếu bố, mẹ ly hôn thì cháu chọn chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay chị T đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã ban hành các quyết định và thực hiện đầy đủ các trình tự theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, những người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 77 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ đã được bố đẻ của mình cung cấp các thông tin về việc nguyên đơn khởi kiện vụ án tranh mà mình tham gia với tư cách là bị đơn nhưng vẫn cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy việc xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy chị Cao Thị T và anh Nguyễn Xuân Đ có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An ngày 09/06/2014, không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân là hợp pháp. Chị T và anh Đ đã thường xuyên bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn cãi vã không liên lạc với nhau điều này cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Cao Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 30/08/2014 và Nguyễn Trung Q, sinh ngày 30/01/2018. Hiện anh Đ đang sinh sống ở nước ngoài, bởi vậy, đề nghị giao hai con chung là cháu Nguyễn Việt A và Nguyễn Trung Q cho chị Cao Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, nợ chung.

Về án phí: Chị Cao Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Văn bản số 5834/QLXNC-P3 ngày 22/03/2024 của Cục Q1, Bộ C cho biết, anh Nguyễn Xuân Đ đã xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế sân bay N lần cuối là ngày 14/01/2023 đến nay chưa nhập cảnh, căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ vắng mặt, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ và tiến hành xác minh, lấy lời khai của ông Nguyễn Xuân T1 là bố đẻ của anh Đ theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng không có kết quả. Anh Đ đã được bố đẻ của mình thông báo nội dung và phạm vi khởi kiện của nguyên đơn mà Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã thụ lý, giải quyết nhưng anh Đ không có ý kiến gì. Đến nay Tòa án vẫn không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn, nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn thông qua người thân nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Người làm chứng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì phiên tòa.

[3] Nội dung vụ án: Đánh giá lời khai của nguyên đơn, người làm chứng và các tài liệu có tại hồ sơ Hội đồng xét xử có căn cứ để khẳng định:

3.1. Quan hệ hôn nhân:

Tại thời điểm kết hôn chị T và anh Đ đủ điều kiện kết hôn theo luật định, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/06/2014 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Năm 2020 anh Đ xuất khẩu lao động nhưng đã nhập cảnh vào Việt Nam 03 lần nhưng anh ấy và chị T không cải thiện được tình cảm vẫn bất đồng quan điểm dẫn đến không quan tâm lẫn nhau cho thấy nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm vào khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Nay, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Cao Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xân Đ1 theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình như đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ.

3.2. Con chung: Cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 30/08/2014 và Nguyễn Trung Q, sinh ngày 30/01/2018 là con chung của nguyên đơn và bị đơn, hiện nay nguyên đơn đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bị đơn đang sinh sống, lao động ở nước ngoài. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con chung là chính đáng và phù hợp với hoàn cảnh thực tế và ý chí nguyện vọng của cháu Nguyễn Việt A. Nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung nên cần chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên giao hai con chung nói trên cho chị Cao Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử không xem xét.

3.3. Tài sản chung, nợ chung: Chị Cao Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Buộc nguyên đơn chị Cao Thị T phải chịu nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 19; Các Điều 51, 56, 58, 122, 123 và 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 207, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Cao Thị T được ly hôn bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 30/08/2014 và Nguyễn Trung Q, sinh ngày 30/01/2018 cho chị Cao Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

3. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Xuân Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Nếu ai vi phạm thì người có quyền, yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án dân sự độc lập khác.

4. Án phí: Buộc chị Cao Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí ông Lý Việt B đã nộp thay theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012662 ngày 01/02/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Diễn Xuân, huyện Diễn Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Lam